TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2018 - 2019
BẬC ĐẠI HỌC - KHOA CƠ KHÍ - KHÓA 2015

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																									TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2018 - 2019)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
1	DH11502185	Nguyễn Thanh	Bảo	D15_CDT01																6.68	5.36		5.80	6.04	6.33	6.00	6.45	8.00	6.17	6.35	135/135	73/73				ĐẠT	DH15
2	DH11500187	Nguyễn Tấn	Bửu	D15_CDT01																5.11	4.59	4.80	5.53	5.50	5.00	4.61	5.52	6.00	5.57	5.62	109/135	61/73				ĐẠT	DH15
3	DH11500184	Tăng Hào	Cơ	D15_CDT01																8.26	7.55		8.27	8.30		7.67	8.45		8.22	8.09	132/135	72/73				ĐẠT	DH15
4	DH11400155	Nguyễn Thanh	Dinh	D15_CDT01													3.37	1.73		1.06	0.45		5.20	6.00	5.20	6.29	6.45	5.00	6.71	6.30	134/135	70/73				CB_TGIAN	DH14
5	DH11502311	Dương Huỳnh Nhật	Duy	D15_CDT01																5.42	5.27	5.80	2.71	4.60	7.50	5.31	5.52	6.50	5.57	5.90	120/135	64/73				ĐẠT	DH15
6	DH11500185	Phan Minh	Đức	D15_CDT01																4.79	5.41		5.33	6.09	7.33	5.06	5.95	6.00	5.52	5.87	114/135	64/73				ĐẠT	DH15
7	DH11500061	Lý Gia	Hải	D15_CDT01																6.26	6.59	6.00	6.00	6.87	7.70	6.39	7.25		7.15	7.12	135/135	73/73				ĐẠT	DH15
8	DH11500005	Nguyễn Vũ	Hào	D15_CDT01																5.89	5.55		6.20	6.40	9.00	6.65	7.32		7.06	6.68	135/135	73/73				ĐẠT	DH15
9	DH11500183	Nguyễn Trung	Hậu	D15_CDT01																4.68	5.09	5.86	5.67	5.48	7.67	5.45	6.96	6.00	6.73	6.46	135/135	73/73				ĐẠT	DH15
10	DH11500063	Tôn Bội	Hòa	D15_CDT01																5.95	5.18	10.00	5.73	5.96	8.38	6.68	7.05	7.00	6.78	6.81	133/135	72/73				ĐẠT	DH15
11	DH11502090	Lê Huy	Hoàng	D15_CDT01																5.60	4.18		4.50	4.92	5.78	5.21	4.96	6.00	5.73	5.64	126/135	68/73				ĐẠT	DH15
12	DH11500847	Phạm Trung	Huy	D15_CDT01																4.95	5.27	4.43	5.20	5.58	4.00	5.45	6.21	6.29	5.76	6.03	123/135	67/73				ĐẠT	DH15
13	DH11500361	Võ Gia	Huy	D15_CDT01																5.21	4.59	4.60	5.33	4.76	4.29	4.50	4.83	3.11	5.16	5.29	99/135	57/73				ĐẠT	DH15
14	DH11500192	Nguyễn Phan Đăng	Khoa	D15_CDT01																5.05	5.73	6.00	5.76	5.52	5.56	4.94	6.35		5.91	5.99	111/135	62/73				ĐẠT	DH15
15	DH11502313	Âu Thanh	Lâm	D15_CDT01																6.63	5.77		6.93	6.70	9.00	5.17	6.05	6.00	5.70	6.31	126/135	68/73				ĐẠT	DH15
16	DH11500365	Nguyễn Hoàng Phi	Long	D15_CDT01																4.42	4.18	4.00	4.06	4.91	5.78	4.36	5.39	6.50	5.67	5.33	100/135	55/73				ĐẠT	DH15
17	DH11500358	Phan Mai Nhật	Minh	D15_CDT01																6.11	5.18		5.13	5.88	5.33	6.32	5.78	6.50	6.22	6.41	131/135	70/73				ĐẠT	DH15
18	DH11500008	Tôn Thất	Minh	D15_CDT01																6.11	5.27		5.60	6.09	7.22	5.56	6.17	6.00	5.67	6.15	127/135	69/73				ĐẠT	DH15
19	DH11500175	Lê Quang	Nhân	D15_CDT01																4.37	3.64		2.25	3.50	4.50	2.72	1.90		2.72	3.21	33/135	23/73	CB_BTH_3			CB_BTH	DH15
20	DH11500179	Trần Tấn	Phong	D15_CDT01																6.00	5.59	7.00	5.87	6.26	7.78	7.00	7.40	7.00	7.06	6.91	135/135	73/73				ĐẠT	DH15
21	DH11502186	Huỳnh Nhựt	Qui	D15_CDT01																5.42	5.32	4.71	5.47	5.57	5.00	5.61	6.50	6.33	6.24	6.06	126/135	69/73				ĐẠT	DH15
22	DH11500182	Lê Hoàng	Sơn	D15_CDT01																5.00	5.68	4.00	5.71	6.57	6.57	6.33	6.90	6.00	6.61	6.42	136/135	73/73				ĐẠT	DH15
23	DH11500007	Nguyễn Ngọc	Tài	D15_CDT01																5.26	5.41	7.00	5.33	5.91	7.88	6.44	6.80	7.00	6.48	6.43	134/135	72/73				ĐẠT	DH15
24	DH11500191	Nguyễn Minh	Tâm	D15_CDT01																6.26	5.32		5.40	6.09	5.71	4.50	5.25	6.20	5.28	5.84	121/135	66/73				ĐẠT	DH15
25	DH11500178	Nguyễn Nhựt Tiến	Thanh	D15_CDT01																6.74	6.27		6.20	7.14	7.67	6.89	7.10		7.25	7.16	133/135	72/73				ĐẠT	DH15
26	DH11500173	Phan Ngọc	Thanh	D15_CDT01																5.42	4.73	5.29	5.13	5.00	7.00	5.61	6.09	5.14	6.27	6.14	123/135	68/73				ĐẠT	DH15
27	DH11502316	Trần Tấn	Thành	D15_CDT01																7.74	6.91		6.93	7.74		7.83	8.30		7.67	7.60	135/135	73/73				ĐẠT	DH15
28	DH11500364	Châu Bảo	Thăng	D15_CDT01																5.53	5.23	7.00	5.33	5.61	7.25	6.05	6.67	7.00	6.15	6.38	135/135	72/73				ĐẠT	DH15
29	DH11500174	Nguyễn Đình	Thắng	D15_CDT01																4.79	4.59		2.10	3.88	4.56	5.24	5.18	5.09	5.46	5.40	118/135	64/73				ĐẠT	DH15
30	DH11500172	Nguyễn Nam	Thiên	D15_CDT01																5.05	5.23	7.00	4.50	6.00	5.50	6.13	6.10		5.45	6.23	119/135	65/73				ĐẠT	DH15
31	DH11502314	Nguyễn Cường	Thịnh	D15_CDT01																7.21	5.59		6.40	7.30	10.00	6.89	7.70	8.00	7.33	7.13	135/135	73/73				ĐẠT	DH15
32	DH11500188	Phạm Xuân	Tinh	D15_CDT01																4.53	4.86	4.40	5.83	5.13	6.67	5.36	5.88	6.71	6.14	6.04	130/135	70/73				ĐẠT	DH15

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																									TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2018 - 2019)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
33	DH11500181	Nguyễn Thành	Tuấn	D15_CDT01																5.11	5.41	5.00	5.35	5.40	5.13	5.55	5.44	6.11	5.75	5.96	130/135	70/73				ĐẠT	DH15
34	DH11501927	Nguyễn Thành	Văn	D15_CDT01																5.00	4.77	4.80	5.44	5.19	6.40	5.83	6.12	5.75	5.78	5.97	121/135	66/73				ĐẠT	DH15
35	DH11500176	Trần Thế	Vinh	D15_CDT01																4.42	4.27	5.80	5.20	5.48	6.00	4.95	5.75	6.00	5.55	5.58	115/135	63/73				ĐẠT	DH15
67	DH11500833	Ngô Lê	An	D15_CDT02																5.89	5.77	4.00	5.80	5.96	5.89	7.05	6.15	6.00	6.28	6.56	132/135	71/73				ĐẠT	DH15
68	DH11500837	Nguyễn Huy	Chương	D15_CDT02																4.89	4.68	4.40	4.71	2.92	5.33	2.89	3.55	5.00	4.50	4.33	69/135	37/73				ĐẠT	DH15
69	DH11502527	Đào Trường Quốc	Duy	D15_CDT02																5.63	4.50	5.60	5.20	5.12	4.80	5.61	5.82	6.50	5.96	5.85	129/135	69/73				ĐẠT	DH15
70	DH11500599	Dương Tấn	Đạt	D15_CDT02																6.11	5.64	4.00	5.47	5.44	5.70	5.94	6.25	6.00	6.00	6.19	130/135	70/73				ĐẠT	DH15
71	DH11500373	Nguyễn Viết Trường	Giang	D15_CDT02																5.26	5.18	4.80	4.80	5.15	3.00	3.78	5.00		5.28	5.28	106/135	59/73				ĐẠT	DH15
72	DH11500367	Lý Vinh	Hải	D15_CDT02																5.42	4.45	3.00	3.89	4.52	4.67	5.50	6.10	5.33	6.33	5.65	122/135	67/73				ĐẠT	DH15
73	DH11500601	Phan Ngọc	Hải	D15_CDT02																4.95	5.09	4.86	3.56	4.50	5.11	3.89	4.46		5.08	5.29	96/135	55/73				ĐẠT	DH15
74	DH11500842	Nguyễn Minh	Hiền	D15_CDT02																6.84	5.27		6.40	6.71	6.20	6.22	5.70	8.00	6.40	6.48	131/135	71/73				ĐẠT	DH15
75	DH11500371	Huỳnh Thái	Hòa	D15_CDT02																6.32	5.36		5.93	6.65	7.00	7.17	7.50		7.50	6.76	135/135	73/73				ĐẠT	DH15
76	DH11500831	Nguyễn Đình	Huy	D15_CDT02																5.21	5.55	5.00	5.47	6.35	6.11	6.45	6.90	7.00	6.78	6.53	135/135	73/73				ĐẠT	DH15
77	DH11500840	Võ Phúc	Huy	D15_CDT02																5.58	5.41	4.00	5.20	5.00	6.33	6.09	5.58	4.40	6.50	6.17	126/135	68/73				ĐẠT	DH15
78	DH11500595	Nguyễn Duy	Kha	D15_CDT02																6.32	4.91		5.20	5.04	5.78	4.72	3.05		3.61	4.88	92/135	51/73	CCHV_2			CCHV	DH15
79	DH11502414	Trần Viết	Khánh	D15_CDT02																5.11	5.14	4.00	5.47	5.31	4.56	4.67	5.62	6.00	5.77	5.98	123/135	66/73				ĐẠT	DH15
80	DH11500606	Lê Đạt Anh	Khoa	D15_CDT02																5.74	3.86	0.00	4.60	5.17	5.00	3.78	2.75	3.67	5.44	4.60	85/135	48/73				ĐẠT	DH15
81	DH11502188	Dương Phương	Lâm	D15_CDT02																4.53	4.86	4.40	4.28	5.09	5.60	3.80	5.33	5.50	5.55	5.44	108/135	58/73				ĐẠT	DH15
82	DH11500835	Huỳnh Hoàng	Lâm	D15_CDT02																5.58	5.27	4.00	6.20	6.35	6.80	7.17	6.90	5.00	7.33	6.68	131/135	71/73				ĐẠT	DH15
83	DH11500594	Lưu Gia	Mãn	D15_CDT02																6.05	6.00		5.80	6.96	7.00	7.28	7.45		7.83	7.04	135/135	73/73				ĐẠT	DH15
84	DH11500374	Huỳnh Thanh	Nghi	D15_CDT02																7.21	6.91		7.40	8.00		8.50	8.35		7.94	7.82	135/135	73/73				ĐẠT	DH15
85	DH11500832	Võ Hoàng	Nhi	D15_CDT02																4.53	5.00	4.50	5.73	4.96	4.33	4.11	3.30	5.00	0.22	4.35	88/135	48/73	CCHV_2	NoHP		DC	DH15
86	DH11500607	Phùng Quốc	Phúc	D15_CDT02																5.26	5.32	4.00	5.20	4.88	4.56	4.67	5.61	6.00	5.65	5.63	118/135	65/73				ĐẠT	DH15
87	DH11502526	Đỗ Thành	Tài	D15_CDT02																8.53	8.23		8.47	8.39		8.44	8.45		8.56	8.43	135/135	73/73				ĐẠT	DH15
88	DH11500368	Đỗ Thanh	Tân	D15_CDT02																4.84	5.41	5.50	5.07	6.31	7.00	5.61	3.20	6.00	4.67	5.46	102/135	57/73			KoDKMH	DC	DH15
89	DH11500605	Đỗ Quốc	Thiện	D15_CDT02																4.84	4.91	4.80	5.20	4.91	4.33	5.33	5.90	6.00	5.90	5.64	111/135	62/73				ĐẠT	DH15
90	DH11502189	Hồ Văn	Thiện	D15_CDT02																5.95	5.00	6.00	5.13	5.96	4.80	4.95	5.65	6.00	5.28	5.80	124/135	67/73				ĐẠT	DH15
91	DH11500839	Lu Du	Thuận	D15_CDT02																6.05	5.64	4.00	5.47	6.00	6.20	6.85	6.60	6.00	6.33	6.42	131/135	71/73				ĐẠT	DH15
92	DH11500843	Hoàng Công	Thượng	D15_CDT02																5.11	5.41	4.00	4.80	6.44	5.33	5.91	5.82	6.00	6.31	6.36	131/135	71/73				ĐẠT	DH15
93	DH11500608	Hà Quốc	Tịnh	D15_CDT02																7.37	6.41		6.93	7.04	7.40	7.11	6.60		7.30	7.13	135/135	73/73				ĐẠT	DH15
94	DH11500593	Phan Thanh	Toàn	D15_CDT02																5.00	3.50	2.86	3.87	3.83	3.33	3.22	4.56	5.00	4.83	4.32	62/135	38/73				ĐẠT	DH15
95	DH11500598	Huỳnh Lê	Trí	D15_CDT02																6.00	5.05	5.00	5.07	5.40	6.20	4.80	5.85		5.78	5.89	122/135	66/73				ĐẠT	DH15
96	DH11500600	Võ Thành	Trí	D15_CDT02																5.21	4.95	4.83	5.53	5.88	6.00	5.33	6.24	5.00	6.60	6.00	129/135	70/73				ĐẠT	DH15
97	DH11500841	Nguyễn Thanh	Trường	D15_CDT02																6.68	6.36	6.00	6.13	6.04	8.50	7.05	6.00		6.28	6.62	133/135	72/73				ĐẠT	DH15
98	DH11500834	Lâm Đức Anh	Tùng	D15_CDT02																6.95	6.27		6.13	6.26	9.00	6.40	6.95	6.00	6.78	6.69	135/135	73/73				ĐẠT	DH15

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																									TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2018 - 2019)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
99	DH11502319	Lương Hoàng	Vỹ	D15_CDT02																5.89	5.23	7.00	5.73	5.96	5.67	5.72	5.95	6.00	6.50	6.12	128/135	70/73				ĐẠT	DH15
100	DH11501458	Ngô Hoàng	Anh	D15_CDT03																3.95	4.73	5.50	5.28	3.81	5.75	3.30	2.38	5.00	4.17	4.63	90/135	51/73				ĐẠT	DH15
101	DH11501173	Phạm Thái	Bình	D15_CDT03																3.16	3.41	4.29	4.78	4.00	4.13	4.29	5.61	4.38	4.85	4.78	97/135	52/73				ĐẠT	DH15
102	DH11501457	Nguyễn Minh	Cường	D15_CDT03																5.05	4.32	6.50	5.27	5.36	6.00	5.40	5.22	5.67	5.40	5.53	122/135	65/73				ĐẠT	DH15
103	DH11501164	Đặng Hoàng	Duy	D15_CDT03																4.47	4.73	6.00	5.60	4.50	6.71	6.15	5.50	4.00	6.10	5.88	124/135	68/73				ĐẠT	DH15
104	DH11502416	Trần Khánh	Duy	D15_CDT03																4.16	4.91	6.29	5.11	4.72	6.00	5.40	4.76	1.80	5.00	5.38	109/135	59/73				ĐẠT	DH15
105	DH11502420	Trần Ngọc	Duy	D15_CDT03																5.68	5.86	5.00	6.40	6.74	8.20	6.11	6.60		6.39	6.45	135/135	73/73				ĐẠT	DH15
106	DH11501168	Hùng Chí	Giang	D15_CDT03																4.68	4.36	4.80	6.39	6.15	8.75	6.10	6.13	6.67	6.42	6.52	138/135	73/73				ĐẠT	DH15
107	DH11501459	Phạm Văn	Hiều	D15_CDT03																5.00	5.55	6.00	6.11	6.30	6.50	6.65	6.44	8.67	6.83	6.65	136/135	73/73				ĐẠT	DH15
108	DH11502418	Lê Văn	Hòa	D15_CDT03																5.79	7.09	7.00	6.80	6.78		6.40	7.25		6.72	6.83	134/135	73/73				ĐẠT	DH15
109	DH11501461	Huỳnh Vũ Tuấn	Khanh	D15_CDT03																6.32	6.59	6.00	7.13	7.57		7.00	6.91		7.72	7.12	136/135	73/73				ĐẠT	DH15
110	DH11500845	Trần Nguyễn Nhật	Minh	D15_CDT03																4.16	4.82	5.00	5.33	4.35		5.20	4.79	3.25	3.38	4.99	95/135	54/73	CCHV_1			CCHV	DH15
111	DH11502422	Dương Trần Trí	Nghĩa	D15_CDT03																5.84	5.59	5.00	5.33	4.00	7.00	5.23	6.33	7.00	5.58	5.94	117/135	64/73				ĐẠT	DH15
112	DH11501450	Lê Hữu	Nghĩa	D15_CDT03																3.79	4.41	5.67	5.13	5.17	5.50	5.05	5.04	1.00	5.18	5.23	101/135	56/73				ĐẠT	DH15
113	DH11500846	Lê Tấn	Phát	D15_CDT03																4.05	5.73	5.57	5.95	6.38	5.89	6.50	6.40		6.05	6.33	135/135	73/73				ĐẠT	DH15
114	DH11502419	Đỗ Quốc	Phấn	D15_CDT03																5.16	6.55	4.60	6.67	6.48	6.60	6.33	7.00		6.67	6.58	133/135	72/73				ĐẠT	DH15
115	DH11501165	Trương Lê Hữu	Phúc	D15_CDT03																6.42	5.27	7.00	5.20	6.72	6.71	6.68	7.10		7.11	6.83	135/135	73/73				ĐẠT	DH15
116	DH11501162	Phạm Đăng	Quyết	D15_CDT03																4.79	5.00	6.00	6.00	5.33	5.50	5.67	6.00	5.20	5.96	5.92	127/135	69/73				ĐẠT	DH15
117	DH11501454	Bùi Minh	Thái	D15_CDT03																5.16	5.68	4.40	6.00	5.17		5.35	5.24	4.89	5.50	5.74	121/135	65/73				ĐẠT	DH15
118	DH11502421	Nguyễn Hà	Thắng	D15_CDT03																6.00	5.32	5.00	5.93	5.91	6.38	4.85	5.40		5.65	5.97	126/135	68/73				ĐẠT	DH15
119	DH11501445	Quách Thanh	Thế	D15_CDT03																6.05	6.00		6.67	7.75	8.00	6.83	6.52		7.39	6.88	136/135	73/73				ĐẠT	DH15
120	DH11501160	Trịnh Toàn	Thiện	D15_CDT03																5.89	6.23	6.00	5.87	5.61	7.00	6.25	5.95		5.95	6.19	131/135	71/73				ĐẠT	DH15
121	DH11501447	Đinh Duy	Thịnh	D15_CDT03																4.05	4.73	4.29	5.50	4.83	4.75	4.83	4.60		4.83	5.24	95/135	54/73				ĐẠT	DH15
122	DH11502423	Nguyễn Tấn	Tiến	D15_CDT03																4.47	5.68	3.86	5.11	5.22	4.89	5.73	5.68	4.67	5.62	5.78	127/135	69/73				ĐẠT	DH15
123	DH11501170	Chung Hải	Triều	D15_CDT03																7.32	7.32		7.73	7.50		7.28	7.55		7.56	7.48	135/135	73/73				ĐẠT	DH15
124	DH11501172	Nguyễn Văn	Tường	D15_CDT03																4.79	5.50	4.14	6.13	5.35	5.63	5.11	5.57	6.00	5.54	5.78	124/135	67/73				ĐẠT	DH15
125	DH11501464	Võ Nhật	Bảo	D15_CDT04																5.16	4.32		4.59	3.48		2.86	5.57	2.50	4.53	4.86	83/135	48/73				ĐẠT	DH15
126	DH11502059	Lâm Chí	Công	D15_CDT04																6.11	6.91	8.00	7.24	7.61	10.00	6.83	7.40		7.61	7.38	135/135	73/73				ĐẠT	DH15
127	DH11501908	Lê Minh	Đức	D15_CDT04																5.21	6.41	5.29	5.53	5.64	5.67	5.11	5.88	6.00	6.04	6.20	124/135	67/73				ĐẠT	DH15
128	DH11501914	Trần Thanh	Hoàng	D15_CDT04																5.21	5.50	6.00	5.24	5.32	6.75	5.35	5.95	4.00	6.15	6.00	126/135	69/73				ĐẠT	DH15
129	DH11502061	Nguyễn Đăng	Khoa	D15_CDT04																6.32	7.18	8.00	6.60	7.35	8.00	6.94	7.40		7.39	7.21	135/135	73/73				ĐẠT	DH15
130	DH11502183	Trần Trọng Duy	Khương	D15_CDT04																5.16	5.18	5.60	5.13	5.29	7.00	5.50	6.20		6.22	5.90	126/135	69/73				ĐẠT	DH15
131	DH11502425	Nguyễn Văn	Kiệt	D15_CDT04																6.74	6.73	9.00	5.60	6.13	7.67	5.72	5.95		6.00	6.44	131/135	71/73				ĐẠT	DH15
132	DH11501963	Nguyễn Đình	Long	D15_CDT04																6.00	6.36		5.93	6.96	9.00	6.78	6.60		6.62	6.62	136/135	73/73				ĐẠT	DH15
133	DH11502066	Ngô Phúc	Lợi	D15_CDT04																6.58	6.73		6.13	6.72	8.50	6.90	7.80		8.39	7.29	135/135	73/73				ĐẠT	DH15

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																									TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2018 - 2019)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
134	DH11501912	Lê Đăng	Luận	D15_CDT04																5.26	6.64	5.00	4.82	5.74	6.67	5.33	5.90		6.11	5.98	127/135	69/73				ĐẠT	DH15
135	DH11501909	Trần Quang	Minh	D15_CDT04																4.32	4.91	6.14	4.88	5.25	5.14	5.05	5.70	3.88	1.35	5.10	105/135	58/73	CCHV_1	NoHP	KoDKMH	DC	DH15
136	DH11501960	Nguyễn Anh	Nguyên	D15_CDT04																4.95	4.64		4.70	5.37	6.78	5.67	5.95		5.28	5.71	133/135	72/73				ĐẠT	DH15
137	DH11501913	Nguyễn Thanh	Nhân	D15_CDT04																5.37	5.68	6.00	5.53	5.41	7.75	6.00	6.45		6.50	6.29	135/135	73/73				ĐẠT	DH15
138	DH11502060	Phạm Phước	Nhân	D15_CDT04																5.53	5.45	4.00	4.60	4.32	6.00	5.18	5.84	6.43	5.70	5.88	128/135	70/73				ĐẠT	DH15
139	DH11501911	Đặng Minh	Nhật	D15_CDT04																5.21	6.32	7.00	5.33	5.78	6.00	5.72	6.25		5.94	6.07	131/135	71/73				ĐẠT	DH15
140	DH11502182	Lê Văn	Quý	D15_CDT04																6.37	6.27	6.00	5.20	5.48	6.75	5.75	5.95		5.85	6.23	133/135	72/73				ĐẠT	DH15
141	DH11502021	Lê Thanh	Sang	D15_CDT04																5.63	6.27	9.00	5.65	5.96	7.67	5.89	6.30	7.00	6.61	6.48	135/135	73/73				ĐẠT	DH15
142	DH11502424	Nguyễn Thanh	Sang	D15_CDT04																5.53	6.55	7.60	6.47	6.00		6.00	5.82	8.00	6.89	6.40	129/135	70/73				ĐẠT	DH15
143	DH11502068	Đặng Ngọc	Sỹ	D15_CDT04																5.95	6.23	6.00	5.40	5.96	7.50	6.35	6.77		6.61	6.48	134/135	72/73				ĐẠT	DH15
144	DH11501962	Phạm Minh	Tâm	D15_CDT04																6.63	7.14	8.00	6.13	6.19	7.67	5.75	5.70	7.00	5.48	6.61	131/135	71/73				ĐẠT	DH15
145	DH11501965	Trương Việt	Thành	D15_CDT04																5.58	6.91		6.33	6.57	6.00	6.90	6.80		7.28	6.72	135/135	73/73				ĐẠT	DH15
146	DH11502534	Trương Trần Mẫn	Thiên	D15_CDT04																5.53	6.59		4.87	4.43		4.50	5.90	7.00	6.10	5.57	115/135	63/73				ĐẠT	DH15
147	DH11501465	Lê Văn	Thiển	D15_CDT04																5.63	5.68	8.00	5.40	5.72	7.00	6.10	6.00	6.00	6.78	6.34	133/135	72/73				ĐẠT	DH15
148	DH11501907	Võ Tân	Tiến	D15_CDT04																4.11	4.36	6.14	3.56	3.21	3.00	3.09	2.44	6.50	0.00	3.56	57/135	35/73	CB_BTH_2		KoDKMH	DC	DH15
149	DH11500559	Dương Ngọc	Trân	D15_CDT04																4.68	5.86	7.57	5.80	7.46	8.00	6.17	6.50	8.00	5.83	6.61	135/135	73/73				ĐẠT	DH15
150	DH11502064	Nguyễn Quốc	Triệu	D15_CDT04																5.95	6.32	5.00	5.29	6.13	6.50	5.50	6.25		6.19	6.21	132/135	71/73				ĐẠT	DH15
151	DH11501966	Đặng Hữu	Trung	D15_CDT04																5.68	6.14	6.00	5.73	5.72	6.00	5.89	5.55	6.00	5.74	6.12	133/135	71/73				ĐẠT	DH15
152	DH11502529	Phan Xuân	Trường	D15_CDT04																5.58	4.77	3.00	5.33	5.52	5.50	4.83	2.72		3.48	4.89	94/135	52/73	CCHV_2			CCHV	DH15
153	DH11501910	Đào Trung	Tuấn	D15_CDT04																5.53	5.14		5.53	6.40	7.29	6.50	6.30	7.00	6.50	6.40	131/135	71/73				ĐẠT	DH15
154	DH11502058	Hồ Viết	Viễn	D15_CDT04																5.58	7.32	6.00	6.17	6.88		6.45	7.00	8.00	7.56	6.99	133/135	72/73				ĐẠT	DH15

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 19/03/2019.**
- Phòng Đào tạo nhận đơn và giải quyết các vấn đề học vụ trong khoảng thời gian từ Thứ Ba, ngày 26/03/2019 đến hết Thứ Năm, ngày 28/03/2019.
- Quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ xử lý học vụ theo quy định.

Qui ước :

(1) NoHP:	Nợ học phí	(2) KoDKMH:	Không đăng ký môn học	(3) CCHV:	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập
(4) BTH:	Buộc thôi học	(5) CB_BTH:	Cảnh báo buộc thôi học	(6) CB_TGIAN:	Cảnh báo hết thời gian học tập
(7) DC:	Đình chỉ học tập	(8) TH_QHAN:	Xóa tên vì hết thời gian học tập	(9) NGHIHOC:	Nghỉ học vì lý do cá nhân
(10) TDUNG:	Tạm dừng vì lý do cá nhân	(11) DC & CB_TGIAN:	Đình chỉ học tập và Cảnh báo hết thời gian học tập theo khóa tuyển sinh		

Tp. HCM, ngày 22 tháng 03 năm 2019

NGƯỜI LẬP BẢNG	TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO	HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký tên và đóng dấu trường)
Nguyễn Thị Minh Trúc	**ThS. Lê Thị Ngọc Phượng**	**PGS, TS. Cao Hào Thi**